

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN CHẤN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20-8-2024

V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Công Thắng

2. Bà Trần Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Bá Đạt - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Lưu Thượng Thống - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024; thông báo mở lại phiên tòa số 139/2024/TB -TA ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị Đ, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt - Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lò Văn C, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt - Không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lò Thị Đ trong đơn khởi kiện và Bản tự khai trình bày: Chị và anh Lò Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 27 tháng 10 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống

đến tháng 01 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Từ năm 2022, chị Đ và anh C sống ly thân cho đến nay, vợ chồng không quan tâm đến nhau nữa. Chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Lò Thị Đ ly hôn anh Lò Văn C.

- Về con chung: Chị Lò Thị Đ và anh Lò Văn C có 02 con chung là cháu Lò Khánh L, sinh ngày 27/3/2013 và Lò Bảo A, sinh ngày 26/8/2016. Trong đơn khởi kiện chị Lò Thị Đ có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung cháu Lò Khánh L và Lò Bảo A. Chị Đ không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu anh C nhận nuôi cả hai con chị Đ cũng đồng ý và cũng không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh Lò Văn C không có mặt để giải quyết vụ án. Chị Đ cung cấp cho Tòa án số điện thoại của anh C là 0977340636, Tòa án đã liên lạc thông báo về việc thụ lý giải quyết cũng như các văn bản tố tụng cho anh C, anh C có ý kiến không đồng ý ly hôn, không nộp lời khai, không đến Tòa án để giải quyết, chị Đ xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 17/5/2024, Trưởng thôn B, xã T, huyện V cung cấp nội dung chị Lò Thị Đ và anh Lò Văn C kết hôn năm 2016, sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn B, xã T, huyện V. Đến năm 2021 chị Đ đi làm ăn xa từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt, từ năm 2022 chị Đ và anh C ly thân không quan tâm đến nhau nữa. Chị Đ và anh C có 02 con chung là Lò Khánh L, sinh ngày 27/3/2013 và Lò Bảo A, sinh ngày 26/8/2016 hiện ở cùng chị Đ. Việc chị Đ xin ly hôn Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án và các giấy tờ khác cho anh C nhưng anh C cho biết không đồng ý ly hôn, không đến Tòa án để giải quyết.

Tòa án lấy lời khai cháu Lò Khánh L và Lò Bảo A, cả hai cháu có nguyện vọng được ở với mẹ Lò Thị Đ.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn được Tòa án tổng đạt các văn bản và triệu tập công khai chứng cứ hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do đã vi phạm Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51 khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị Đ. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị Đ được ly hôn với anh Lò Văn C.

Về con chung: Đề nghị giao cả hai cháu Lò Khánh L, sinh ngày 27/3/2013 và Lò Bảo A, sinh ngày 26/8/2016 cho chị Lò Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, anh Lò Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Đề nghị tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lò Văn C có đăng ký hộ khẩu tại thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái, vụ án do Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng tại phiên tòa anh Lò Văn C vẫn vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, thể hiện thái độ cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Chị Lò Thị Đ vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Lò Thị Đ và anh Lò Văn C.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Chị Lò Thị Đ và anh Lò Văn C kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Chị Lò Thị Đ và anh Lò Văn C phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng chị Đ và anh C đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa chị Đ và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị Đ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Lò Thị Đ và anh Lò Văn C có 02 con chung là cháu Lò Khánh L, sinh ngày 27/3/2013 và Lò Bảo A, sinh ngày 26/8/2016. Sau khi ly hôn chị Lò Thị Đ có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án anh Lò Văn C không đến Tòa án để trình bày về nguyện vọng nuôi con là cố tình trốn tránh trách nhiệm về con chung, vì vậy việc giao con cho anh C nuôi dưỡng không được đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cho chị Lò Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con Lò Khánh L và Lò Bảo A là phù hợp với nguyện vọng của con trên 7 tuổi, việc chị Đ không yêu cầu anh Lò Văn C phải cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện. Do chị Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị Lò Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Lò Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị Đ được ly hôn anh Lò Văn C.

2. Về con chung: Giao cho chị Lò Thị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lò Khánh L, sinh ngày 27/3/2013 và Lò Bảo A, sinh ngày 26/8/2016 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi, anh Lò Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lò Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm

ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0000721 ngày 15/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, chị Lò Thị Đ đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lò Thị Đ và anh Lò Văn C được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Chấn;
- Chi cục THADS huyện Văn Chấn;
- UBND xã Tú Lệ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thành Long